TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29/8/2026
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Nguyễn Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân: bà Ngô Thị Hiền

bà Hoàng Thị Niên

- ***Thư ký phiên toà:*** ông Vi Văn Tần - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Ngô Minh Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2026. Tại phòng xử án Toà án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2026 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2026/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Chiếng Thị Y, sinh năm 1988; căn cước số 0221xxxxxxxx, do Bộ C cấp ngày 13/7/2024; nơi cư trú: thôn D, xã B, tỉnh Quảng Ninh (nay là thôn T, xã B, tỉnh Quảng Ninh) - vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Triệu Trung T, sinh năm 1984; căn cước số 0220xxxxxxxx, do Bộ C cấp ngày 10/01/2025; nơi cư trú: thôn D, xã B, tỉnh Quảng Ninh (nay là thôn T, xã B, tỉnh Quảng Ninh) - vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/5/2026 và bản tự khai ngày 12/6/2026 nguyên đơn chị Chiếng Thị Y trình bày:

Chị Chiếng Thị Y và anh Nguyễn Triệu Trung T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 22/02/2011, tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Quảng Ninh (nay là UBND xã B, tỉnh Quảng Ninh). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng về

quan điểm sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Do vậy, chị Y thấy tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Triệu Trung T.

- Về con chung: chị Chiếng Thị Y và anh Nguyễn Triệu Trung T có 02 (hai) con chung là Nguyễn Duy K, sinh ngày 11/10/2010 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 15/07/2014. Sau khi ly hôn chị Y có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Gia B cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), còn anh T có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Duy K cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: chị Chiếng Thị Y và anh Nguyễn Triệu Trung T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về khoản nợ chung: chị Chiếng Thị Y và anh Nguyễn Triệu Trung T không có.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Triệu Trung T đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh T vẫn không có mặt để thể hiện ý kiến của mình về vụ án.

Theo kết quả xác minh tại thôn T, xã B, tỉnh Quảng Ninh được biết sau khi kết hôn chị Y và anh T sinh sống tại thôn T, xã B, tỉnh Quảng Ninh từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm được vì chị Y và anh T không nhờ chính quyền địa phương hòa giải nhưng được biết chị Y và anh T có mâu thuẫn. Về con chung chị Y và anh T có 02 con chung, hiện nay các con chung đang ở cùng với chị Y và anh T tại thôn T, xã B, tỉnh Quảng Ninh.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Triệu Trung T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; chị Chiếng Thị Y có đơn xin xử vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên quan điểm như đơn yêu cầu khởi kiện, không bổ sung gì thêm. Các đương sự không có thỏa thuận gì về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như lời khai và biên bản xác minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử đã đảm bảo đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại phiên tòa nên không thực hiện được quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Chiếng Thị Y. Về con chung: giao con chung Nguyễn Gia B cho chị Chiếng Thị Y nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi; giao con chung Nguyễn Duy K cho anh Nguyễn Triệu Trung T nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: tự thỏa thuận; về khoản nợ chung: không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: về quan hệ tranh chấp chị Chiếng Thị Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn có nơi cư trú tại thôn T, xã B, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 (được sửa đổi bổ sung tại khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội khóa 15); điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự, bị đơn anh Nguyễn Triệu Trung T đã được Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh tống đạt văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo qui định của pháp luật nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Chị Chiếng Thị Y có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử, xử vắng mặt chị Y và anh T theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn chị Chiếng Thị Y và bị đơn anh Nguyễn Triệu Trung T kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn và thủ tục kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Hội đồng xét xử nhận thấy vợ chồng chị Y, anh T trong quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn xảy ra; nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng rạn nứt trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết việc chị Y xin ly hôn nhưng vẫn cố tình vắng mặt không lý do, như vậy thể hiện anh T không có nguyện vọng và biện pháp hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Chiếng Thị Y là có căn cứ phù hợp qui định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4] Về con chung: chị Chiếng Thị Y và anh Nguyễn Triệu Trung T có 02 (hai) con chung là Nguyễn Duy K, sinh ngày 11/10/2010 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 15/7/2014. Hiện nay các con chung đang sinh sống cùng chị Y và anh T tại thôn T, xã B, thành phố Q. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án anh T đều

vắng mặt nên không thể hiện được quan điểm của mình về việc nuôi con chung; ngoài ra, còn phù hợp với nguyện vọng của con chung. Vì vậy, giao con chung Nguyễn Gia B cho chị Y trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung Nguyễn Duy K cho anh T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hợp tình, hợp lý phù hợp với điều kiện, nguyên vọng của chị Y, cháu K, cháu B và phù hợp quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Chiếng Thị Y không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy đây là quyền định đoạt của chị Y nên cần chấp nhận. Anh Nguyễn Triệu Trung T trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đều vắng mặt nên không thể hiện được quan điểm của mình về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, anh T có quyền yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con chung bằng một vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung: chị Chiếng Thị Y và anh Nguyễn Triệu Trung T tự thỏa thuận, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về khoản nợ chung: chị Chiếng Thị Y và anh Nguyễn Triệu Trung T không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: chị Chiếng Thị Y phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

[10] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 (được sửa đổi bổ sung tại khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội khóa 15); điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Chiếng Thị Y;

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Chiếng Thị Y được ly hôn với anh Nguyễn Triệu Trung T.

2. Về con chung: giao con chung Nguyễn Duy K, sinh ngày 11/10/2010 cho anh Nguyễn Triệu Trung T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi; giao con chung Nguyễn Gia B, sinh ngày 15/7/2014 cho chị Chiếng Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Chiếng Thị Y, anh Nguyễn Triệu Trung T không phải cấp dưỡng cho con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: chị Chiếng Thị Y phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0002145, ngày 22 tháng 5 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh, chị Y đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4 - Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Phòng THADS khu vực 4 - Quảng Ninh;
- UBND xã Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HS vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Thùy Dương